TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 297/2020/DS-PT;
Ngày: 19/8/2020;
V/v Tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuấn;

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Song Bình;

- Ông Lê Hoàng Hiệp.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Quang Minh, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 55/2020/DS-ST ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 387/2020/QĐXX-PT ngày 16 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ C, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Thành Đ, sinh năm 1960 (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 1871 quyển số 02-SCT/CK,CĐ ngày 16/12/2019)

Địa chỉ: Số 5, đường N, phường 1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1987;

2.2 Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1965.

Cùng cư trú: Ấp Q, xã Q, huyện C, Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ C.

(Có mặt ông Đ, vắng mặt ông A, bà H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

*. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thành Đ trình bày:

Từ năm 2018 đến năm 2019, bà Lê Thị Mỹ C có cho bà Nguyễn Thị Bé H và anh Huỳnh Văn A mượn tiền nhiều lần. Ngày 13/7/2019, hai bên tổng kết nợ thì bà Bé H, anh A còn nợ bà C số tiền 360.000.000 đồng, theo thỏa thuận bà Bé H, anh A trả dần mỗi tháng là 10.000.000 đồng, thời hạn trả là 36 tháng kể từ ngày 13/7/2019, việc thỏa thuận có làm giấy tay mượn tiền và cam kết trả 10.000.000 đồng vào ngày 12 dương lịch hàng tháng. Bà Bé H, anh A đã trả được 03 tháng từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2019 với số tiền 25.000.000 đồng thì không trả thêm khoản tiền nào nữa.

Ngày 15/10/2019, bà Bé H, anh Ẩn có hỏi mượn bà C thêm số tiền 50.000.000 đồng, mục đích để cải tạo, chăm sóc, xông đèn vườn thanh long nhằm có thêm thu nhập để trả nợ cho bà, thời hạn mượn là 01 năm. Số tiền mượn này có làm giấy tay mượn tiền.

Tổng cộng hai lần, bà Bé H, anh A nợ bà C số tiền 410.000.000 đồng, mượn tiền không tính lãi.

Đối với số tiền mượn 50.000.000 đồng, bà Bé H, anh A sử dụng không đúng mục đích mà lấy tiền trả nợ Ngân hàng, lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra để bán cho người khác nên bà C có liên hệ gặp trực tiếp bà Bé H, anh A yêu cầu trả tiền 410.000.000 đồng nhưng không được thực hiện.

Bà C nhận thấy bà Bé H, anh A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, đồng thời bán toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất cho người khác nhằm mục đích tẩu tán tài sản để chiếm đoạt số tiền nêu trên. Mặt khác, bà C cho mượn tiền để cải tạo, chăm sóc, xông đèn thanh long có thu nhập trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện mà sử dụng số tiền 50.000.000 đồng sai mục đích, không đảm bảo việc thu hồi nợ.

Trong thời gian mượn số tiền 360.000.000 đồng, anh A có trả được 25.000.000 đồng, nay bà C đồng ý cấn trừ nên anh A, bà Bé H còn nợ bà C số tiền 385.000.000 đồng, yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

*. Bị đơn anh Huỳnh Văn A trình bày:

Tháng 07/2017, anh có vay của bà C số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng để xoay sở việc kinh doanh. Đến tháng 10/2017, bà C đòi lại vốn với lý do cho vay bạc rẻ nên không cho vay lâu được. Anh nói với bà C là không hoàn lại vốn được do chưa đủ tiền thì bà C gợi ý sẽ vay dùm với lãi suất 30%/tháng, anh đã đồng ý. Do đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh ít về nhà nên không trực tiếp trả lãi mà trao đổi qua điện thoại. Tháng 01 năm 2018, hai bên chốt nợ gốc và lãi là 100.000.000 đồng.

Đến tháng 6 năm 2018, anh có mượn thêm 60.000.000 đồng với lãi suất 30%/tháng, đến tháng 9 năm 2019 cộng tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi, anh viết một giấy nhận nợ với số tiền 180.000.000 đồng.

Đến tháng 7 năm 2019, bà C cùng một người đàn ông lạ đến nhà gây áp lực với gia đình anh. Bà C yêu cầu anh trả số tiền hơn gấp nhiều lần số tiền vay. Anh nói bà C số tiền trả hàng tháng rất nhiều rồi nên xin trả tiền gốc nên cô C đồng ý cho anh trả số tiền mỗi tháng 10.000.000 đồng nhưng phải trả thêm 80.000.000đồng tiền lãi so với số tiền đã làm giấy là 280.000.000 đồng. Anh đã trả được 03 tháng với số tiền là 30.000.000 đồng, đến tháng thứ 4 (tức tháng 10/2019) bà C cho anh vay thêm số tiền 50.000.000 đồng lãi suất 15%/tháng có làm giấy mượn tiền.

Nay anh không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà C yêu cầu anh và mẹ anh là bà Nguyễn Thị Bé H cùng trả số tiền 410.000.000 đồng.

- Đối với số nợ 360.000.000 đồng tại giấy mượn tiền ngày 13/7/2019, anh thừa nhận chữ ký A trong giấy mượn tiền là chữ ký của anh nhưng khi đó mẹ anh chỉ ký tên với tư cách là người làm chứng, việc vay tiền này là do anh thỏa thuận trực tiếp với bà C. Trong số tiền 360.000.000 đồng này thì chỉ có 280.000.000 đồng tiền vốn và 80.000.000 đồng tiền lãi trong thời hạn mượn 03 năm. Nhưng nay bà C đòi lại số tiền 360.000.000 đồng thì anh chỉ đồng ý trả số tiền 280.000.000 đồng tiền vốn, anh xin trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Đối với số nợ 50.000.000 đồng của Giấy mượn tiền ngày 15/10/2019, anh thừa nhận chữ ký trong biên nhận là chữ ký của anh, khi mượn hai bên thỏa thuận thời hạn là 01 năm sẽ trả vốn nên nay bà C cho rằng anh sử dụng sai mục đích vay tiền và đòi lại tiền vốn thì anh không đồng ý vì chưa đến thời hạn trả tiền theo thỏa thuận.

*. Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H trình bày:

Ngày 13/7/2019, bà C đi cùng một người đàn ông xuống nhà lớn tiếng gây áp lực với gia đình bà, sau đó bà C với con bà là anh Huỳnh Văn A thỏa thuận như trong giấy ngày 13/7/2019 đã nêu. Sau khi hai bên ký xong bà C yêu cầu bà ký tên làm chứng. Vì muốn sự việc êm xuôi nên bà ký tên với tư cách người làm chứng. Trong sự việc này anh A tự đi vay tiền bà C, bản thân bà hoàn toàn không biết. Số tiền vay được, bà cũng không tiêu xài hay liên quan đến. Nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà không đồng ý vì bà không có mượn tiền của bà C.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2020/DS-ST ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 192, Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ C.

Buộc anh Huỳnh Văn A có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Mỹ C số tiền 335.000.000 đồng *(Ba trăm ba mươi lăm triệu đồng)*. Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà C cho đến khi thi hành án xong, anh A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ C yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H cùng có nghĩa vụ trả số tiền 335.000.000đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ C đối với số tiền 50.000.000 đồng do chưa đủ điều kiện khởi kiện.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 11 tháng 5 năm 2020, nguyên đơn Lê Thị Mỹ C có đơn kháng cáo, yêu cầu xem xét buộc bà Nguyễn Thị Bé H liên đới cùng anh Huỳnh Văn A có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 385.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Thành Đ – người đại diện ủy quyền của nguyên đơn Lê Thị Mỹ C có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị buộc bà Nguyễn Thị Bé H và anh Huỳnh Văn A cùng có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 385.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của của nguyên đơn xét không có căn cứ, nên đề nghị không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh Văn A và bà Nguyễn Thị Bé H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh A và bà Bé H..

[2] Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện, ngày 13/7/2019 và 15/10/2019 bà Lê Thị Mỹ C có cho anh Huỳnh Văn A vay tổng số tiền là 410.000.000 đồng. Khi vay, anh A có viết "Giấy mượn tiền" cho bà C thể hiện nội dung như sau:

Giấy mượn tiền lập ngày 13/7/2019: Số tiền vay là 360.000.000 đồng, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng trong thời hạn là 36 tháng (BL:45).

Giấy mượn tiền lập ngày 15/10/2019: Số tiền vay là 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 (một) năm.

Theo bà C, do anh A và bà Nguyễn Thị Bé H vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết và sử dụng vốn vay không đúng mục đích như đã thỏa thuận nên bà khởi kiện và kháng cáo yêu cầu buộc anh A và bà Bé H cùng liên đới trả tổng các khoản tiền còn nợ là 385.000.000 đồng.

[3] Qúa trình giải quyết vụ án anh A cho rằng, số tiền 360.000.000 đồng theo biên nhận lập ngày 13/7/2019 là bao gồm tiền vốn vay 100.000.000 đồng và tiền lãi 30%tháng; số tiền 50.000.000 đồng vay ngày 15/10/2019 lãi suất 15%/ tháng nhưng chưa đến hạn trả nợ. Xét lời trình bày của anh A về lãi suất cho vay không được bà C thừa nhận và anh cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh, nên bản án sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ C, nhận thấy: Bà C cho rằng, bà cho anh A và bà Bé H cùng vay tiền nên biên nhận lập ngày 13/7/2019 cả hai người cùng ký tên. Tuy nhiên, anh A thừa nhận bản thân anh là người vay tiền, không liên quan gì bà Bé H; bà Bé H cho rằng, do phía bà C gây áp lực nên bà ký tên với tư cách là người làm chứng.

[4.1] Nhân thấy, nội dung biên nhận lập ngày 13/7/2019 thể hiện: *"Tôi tên Huỳnh Văn A ... có mượn của cô C 360.000.000 đồng. Tôi cam kết hàng tháng trả 10.000.000 đồng..."*, phần cuối biên nhận bên trái có ghi *"Mẹ A – chữ ký – Nguyễn Thị Bé H"* (BL: 45). Xét nội dung của "giấy mượn tiền" thể hiện anh A là người vay tiền của bà C, phần bà Bé H viết và ký tên bên góc trái phía dưới tờ biên nhận không thể hiện xác định "bà Bé H cùng anh A vay tiền" như bà C trình bày. Do đó, bản án sơ thẩm không buộc bà H liên đới cùng anh A trả nợ cho bà C là có căn cứ.

[4.2] Đối với số tiền vay theo biên nhận lập ngày 15/10/2019, nhận thấy: Theo bà C, bà cho anh A, bà Bé H vay để *"Cải tạo, chăm sóc, xông đèn vườn thanh long"* nhưng anh A không thừa nhận và Giấy mượn tiền không thể hiện nội dung như bà C trình bày. Đồng thời, nội dung các bên thỏa thuận là *"Thời hạn trả 01 năm (10/2020)"*.

Tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự quy định: "Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Xét bà C không chứng minh được mục đích cho anh A vay tiền, nên không có căn cứ xác định anh A vi phạm và bà C không chứng minh được đã báo cho anh A biết trước.

Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện số tiền 50.000.000 đồng theo biên nhận lập ngày 15/10/2019 là có căn cứ.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, bà C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà. Vì thế, xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Lê Thị Mỹ C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 55/2020/DS-ST ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 192, Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ C.

Buộc anh Huỳnh Văn A có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Mỹ C số tiền 335.000.000 đồng *(Ba trăm ba mươi lăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày bà Lê Thị Mỹ C có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ C yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H cùng có nghĩa vụ trả số tiền 335.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ C đối với số tiền 50.000.000 đồng do chưa đủ điều kiện khởi kiện.

2. Về án phí:

- Anh Huỳnh Văn A phải chịu số tiền 16.750.000 đồng *(Mười sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị Mỹ C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền dự phí đã nộp theo biên lai thu số 0003677 ngày 11/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, nên xem như thi hành xong án phí. Hoàn lại cho bà Lê Thị Mỹ C số tiền 10.200.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 0003282 ngày 20/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Tuấn